

Số: 647 /QĐ-UBND

Cẩm Mỹ, ngày 19 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bộ Chỉ số cải cách hành chính cấp xã năm 2023**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Bộ Chỉ số CCHC năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 60/2013/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định tiêu chí đánh giá, phân loại chính quyền cơ sở ở xã, phường, thị trấn hàng năm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tiêu chí đánh giá chính quyền cơ sở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 60/2013/QĐ-UBND ngày 30/9/2013,

Thực hiện Văn bản số 2774/SNV-TT ngày 13/7/2023 của Sở Nội vụ tỉnh về việc hướng dẫn xây dựng, đánh giá, công bố Chỉ số CCHC của UBND cấp xã năm 2023;

Thực hiện Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 31/01/2023 của UBND huyện về cải cách hành chính năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện tại Tờ trình số 343/TTr-PNV ngày 12/9/2023,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Bộ Chỉ số cải cách hành chính cấp xã năm 2023 (Có Bộ Chỉ số cải cách hành chính kèm theo). Bộ Chỉ số cải cách hành chính cấp xã sử dụng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính của UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ.

**Điều 2. Phương pháp tính điểm và quy đổi điểm**

**a. Thang điểm và cách tính chỉ số CCHC**

- Thang điểm đánh giá là 100 điểm và được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần trong Chỉ số cải cách hành chính cấp xã .

### **b. Phương pháp quy đổi sang điểm tổng của Bộ Chỉ số**

Tổng điểm phần 1 (Chỉ số cải cách hành chính) = điểm chỉ số cải cách hành chính x 50%

Tổng điểm phần 2 (Chỉ số chính quyền cơ sở) = điểm chỉ số đánh giá chính quyền cơ sở theo Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND và Quyết định số 60/2013/QĐ-UBND x 50%.

### **c. Thang điểm đánh giá Chỉ số cải cách hành chính và chính quyền cơ sở của UBND cấp xã, thị trấn**

Điểm chỉ số cải cách hành chính của UBND cấp xã, thị trấn được xếp loại theo các mức sau:

Từ 90 đến 100 điểm: Hoàn thành xuất sắc (A+);

Từ 70 đến dưới 90 điểm: Hoàn thành tốt (A);

Từ 50 đến dưới 70 điểm: Hoàn thành (B);

Dưới 50 điểm: Không hoàn thành (C).

**Điều 3.** Giao UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện căn cứ Bộ Chỉ số cải cách hành chính cấp xã năm 2023 của UBND huyện thực hiện tự đánh giá, chấm điểm và gửi hồ sơ, tài liệu minh chứng về UBND huyện (thông qua Phòng Nội vụ) theo quy định.

**Điều 4.** Giao cho Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu UBND huyện thẩm định Bộ Chỉ số cải cách hành chính cấp xã năm 2023, tổng hợp kết quả thẩm định tham mưu UBND huyện báo cáo tỉnh theo quy định.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Nội vụ huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện có trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký. /

#### **Nơi nhận:**

- Như điều 5;
- Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai;
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBH;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn thuộc huyện;
- Trưởng phòng Nội vụ;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Chánh, Phó VP.UBH;
- Lưu: VT, NC. Trung

**CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Tấn Thìn**





**DỰ THẢO BỘ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP XÃ NĂM 2023**  
(Kèm theo Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của UBND huyện)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
1	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC</b>	<b>16,25</b>			
1.1	<b>Kế hoạch CCHC hàng năm</b>	<b>2,75</b>			
1.1.1	Ban hành kế hoạch cải cách hành chính (0,5 điểm)	0,75			
	Đúng thời gian (0,25 điểm)	0,25			
	Đạt yêu cầu nội dung kế hoạch (0,5 điểm)	0,5			
1.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC (2 điểm)	2			
	Hoàn thành từ 85% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[Số\ mục\ tiêu\ đã\ hoàn\ thành] \times 2 / [Số\ mục\ tiêu\ đã\ đề\ ra]$	2			
	Hoàn thành dưới 85% kế hoạch (0 điểm)	0			
1.2	<b>Công tác báo cáo CCHC định kỳ</b>	<b>1,5</b>			
	Đủ số lượng báo cáo (0,5 điểm)	0,5			
	Chất lượng nội dung báo cáo (0,5 điểm)	0,5			
	Tất cả báo cáo gửi đúng thời gian (0,5 điểm)	0,5			
1.3	<b>Công tác kiểm tra CCHC</b>	<b>4</b>			
1.3.1	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1			
	Đạt 100% nội dung trong kế hoạch (1 điểm)	1			
	Đạt dưới 100% nội dung trong kế hoạch (0 điểm)	0			
1.3.2	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1			
	Xử lý 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (1 điểm)	1			
	Qua kiểm tra tất cả đều tốt không phát sinh vấn đề cần xử lý (1 điểm)	1			
	Trường hợp địa phương qua kiểm tra đều tốt, nhưng Đoàn kiểm tra của huyện có phát hiện vấn đề qua kiểm tra CCHC (0 điểm)	0			
1.3.3	Khắc phục kịp thời các tồn tại hạn chế sau kiểm tra CCHC của huyện	2			
	Đạt từ 85% đến 100% thì tính theo công thức: $[số\ nội\ dung\ khắc\ phục] \times 2 / [tổng\ số\ nội\ dung\ huyện\ ghi\ nhận]$	2			
	Dưới 85% (0 điểm)	0			
1.4	<b>Thực hiện tuyên truyền về cải cách hành chính</b>	<b>3</b>			
1.4.1	Đăng tải trên Trang TTĐT của xã, thị trấn (bản tin, bài viết, sản phẩm truyền thông như phóng sự tuyên truyền, video CCHC...)	1			
	Đăng đầy đủ các tin tức hoạt động trong năm: 1 điểm	1			
	Có đăng bài nhưng không đầy đủ: 0,5 điểm	0,5			
	Không có tin tức, hoạt động trong năm: 0 điểm	0			
	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền	1			

1.4.2	Truyền thông qua các phương tiện trực tuyến (0,5 điểm)	0,5			
	Tuyên truyền CCHC thông qua các hình thức truyền thống (hội nghị, hội thi, tọa đàm...) (0,5 điểm)	0,5			
	Phối hợp đăng các bài chuyên mục về CCHC trên Trang Thông tin điện tử huyện	1			
1.4.3	Đăng 2 bài trở lên (1 điểm)	1			
	Đăng 1 bài (0,5 điểm)	0,5			
	Không có bài đăng (0 điểm)	0			
1.5	<b>Trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác cải cách hành chính</b>	2			
	Rà soát việc giải quyết hồ sơ TTHC bộ phận một cửa hàng tháng	1			
1.5.1	Có thực hiện đủ (1 điểm)	1			
	Có thực hiện, nhưng không đủ (0,5 điểm)	0,5			
	Không thực hiện (0 điểm)	0			
	Đánh giá cán bộ, công chức tại Bộ phận một cửa hàng tháng	1			
1.5.2	Có thực hiện đủ (1 điểm)	1			
	Có thực hiện, nhưng không đủ (0,5 điểm)	0,5			
	Không thực hiện (0 điểm)	0			
	<b>Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính</b>	3			
1.6	Có 02 sáng kiến được duyệt (3 điểm)	3			
	Có 01 sáng kiến được duyệt (1,5 điểm)	1,5			
2	<b>THẺ CHẾ HÀNH CHÍNH</b>	7			
	Rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật hiện đang thực hiện trên địa bàn huyện của cơ quan cấp trên đạt yêu cầu	1			
2.1	Có thực hiện (1 điểm)	1			
	Không thực hiện (0 điểm)	0			
2.2	<b>Công tác theo dõi thi hành pháp luật</b>	2			
	Mức độ thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật	1			
2.2.1	Hoàn thành 100% kế hoạch: (1 điểm)	1			
	Dưới 100% kế hoạch: (0 điểm)	0			
2.2.2	Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật: kết quả xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua theo dõi tình hình thi hành pháp luật:	1			
	Hoàn thành từ 85% - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[Số\ vấn\ đề\ xử\ lý] \times 1 / [Số\ vấn\ đề\ đã\ phát\ hiện]$	1			
	Xử lý dưới 85% vấn đề phát hiện: (0 điểm)	0			
	Trưởng hợp các kết quả theo dõi thi hành pháp luật đều tốt, không phát sinh việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý (1 điểm)	1			
2.3	<b>Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật</b>	2			
2.3.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	1			



	Hoàn thành 85% đến 100% Kế hoạch thì điểm tính theo công thức: $[Số\ mục\ tiêu,\ nhiệm\ vụ\ đã\ hoàn\ thành] \times 1/[Số\ mục\ tiêu,\ nhiệm\ vụ\ đề\ ra\ tại\ kế\ hoạch]$	1			
	Hoàn thành dưới 85% kế hoạch (0 điểm)	0			
2.3.2	Xử lý, kiến nghị xử lý các vấn đề không còn phù hợp	1			
	Có xử lý hoặc kiến nghị xử lý (1 điểm)	1			
	Có phát hiện nhưng không xử lý hoặc kiến nghị xử lý (0 điểm)	0			
	Trường hợp tất cả các VBQPPL qua rà soát đều phù hợp, không phát sinh việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý (1 điểm)	1			
2.4	<b>Hiệu quả tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật</b>	2			
	Người dân dễ dàng tiếp cận thông tin về quy định, chính sách	1			
	Người dân dễ dàng tham gia đánh giá, ý kiến về quy định, chính sách	1			
3	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	18,25			
3.1	<b>Kiểm soát thủ tục hành chính</b>	8,25			
3.1.1	Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC	0,5			
	Ban hành đúng thời hạn: (0,25 điểm)	0,25			
	Ban hành đạt nội dung yêu cầu: (0,25 điểm)	0,25			
3.1.2	<b>Đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC</b>	3			
	Đề xuất phương án đơn giản hoá TTHC trên 10% TTHC: (3 điểm)	3			
	Đề xuất phương án đơn giản hoá TTHC từ 5% đến 10% TTHC: (2 điểm)	2			
	Đề xuất phương án đơn giản hoá TTHC dưới 5% TTHC: (1 điểm)	1			
	Không có đề xuất: (0 điểm)	0			
3.1.3	<b>Đề xuất thủ tục cung cấp dưới dạng dịch vụ công mức độ 3, 4</b>	2			
	Đề xuất từ 03 thủ tục trở lên (2 điểm)	2			
	Đề xuất từ 02 thủ tục trở lên (1 điểm)	1			
	Không đề xuất (0 điểm)	0			
3.1.4	<b>Công khai, niêm yết TTHC</b>	1,75			
	Niêm yết 100% thủ tục hành chính (0,25 điểm)	0,25			
	Niêm yết tổng đài DVC 1022, đường dây nóng, hướng dẫn thực hiện PAKN (0,25 điểm)	0,25			
	Hòm thư góp ý (0,25 điểm)	0,25			
	Có triển khai mã QR code hồ sơ mẫu, TTHC	1			
3.1.5	<b>Cung cấp hồ sơ mẫu</b>	0,5			
	Đạt 100% thủ tục trực tuyến có hồ sơ mẫu: (0,25 điểm)	0,25			
	Đạt trên 70% tổng số TTHC (0,25 điểm)	0,25			
3.1.6	<b>Tỷ lệ hồ sơ chứng thực bản sao điện tử tăng so với năm 2022</b>	0,5			
	Tăng trên 20% (0,5 điểm)	0,5			
	Tăng dưới 20% (0 điểm)	0			
3.2	<b>Tiếp nhận và xử lý PAKN của tổ chức, cá nhân</b>	1			
	Đạt 100% PAKN được xử lý kịp thời: (1 điểm)	1			
	Đạt dưới 100%: (0 điểm)	0			

3.3	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>	7			
	<b>Thực hiện cơ chế một cửa</b>	0,25			
3.3.1	100% TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã: (0,25 điểm)	0,25			
	Dưới 100%: (0 điểm)	0			
3.3.2	<b>Thực hiện cơ chế một cửa liên thông</b>	0,75			
	Đơn vị thực hiện đầy đủ TTHC liên thông theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh: (0,25 điểm)	0,25			
	Đơn vị chủ động liên thông thủ tục khác: (0,5 điểm)	0,5			
3.3.3	<b>Công tác tiếp nhận, trả hồ sơ</b>	1			
	100% hồ sơ thực hiện đúng quy trình hướng dẫn, tiếp nhận, luân chuyển, trả hồ sơ (0,25 điểm)	0,25			
	100% hồ sơ trả hẹn, đơn vị có văn bản xin lỗi người dân (0,5 điểm)	0,5			
	100% hồ sơ thực hiện đúng quy định ngừng, trả hồ sơ (0,25 điểm)	0,25			
3.3.4	<b>Công tác giải quyết TTHC:</b>	3			
	Tỷ lệ hồ sơ trả đúng hạn từ 96% trở lên tính theo công thức: [Số hồ sơ giải quyết đúng hạn] x3/[Số hồ sơ đã giải quyết]	3			
	Dưới 96%: 0 điểm	0			
3.3.5	<b>Đánh giá hiệu quả hoạt động cơ chế một cửa, một cửa liên thông của đơn vị theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP</b>	2			
	Thực hiện hàng tháng: (1 điểm)	1			
	Thực hiện theo quý: (1 điểm)	1			
3.4	<b>Kết quả thực hiện số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC</b>	2			
	Nếu đạt từ 15% trở lên (2 điểm)	2			
	Đạt từ 10% đến dưới 15%: [Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa]/15% x 2 điểm				
	Dưới 10% (0 điểm)	0			
3.5	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được cấp bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng ở cấp huyện	1,5			
	Nếu đạt từ 15% trở lên (1,5 điểm)				
	Đạt từ 10% hồ sơ TTHC được số hóa thì điểm tính theo công thức [tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa ]/15% x 1,5 điểm				
	Đạt dưới 10% : (0 điểm)				
3.6	<b>Điều chỉnh kết quả giải quyết TTHC do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện</b>	-			
	Trừ 01 điểm/01 trường hợp (kết quả chỉ số không vượt quá mức hoàn thành tốt nhiệm vụ nếu bị trừ điểm nội dung này)				
	Không có trường hợp nào thì bỏ qua tiêu chí này				

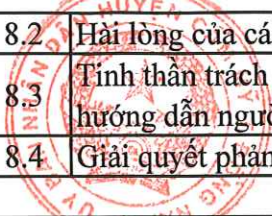


3.7	Có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những nhiều, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của pháp luật trong giải quyết TTHC	-			
	<i>Trừ 01 điểm/01 trường hợp (kết quả chỉ số không vượt quá mức hoàn thành tốt nhiệm vụ nếu bị trừ điểm nội dung này)</i>				
	<i>Không có trường hợp nào thì bỏ qua tiêu chí này</i>				
4	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY</b>	4			
4.1	Tuân thủ các quy định của Trung ương, của tỉnh về tổ chức bộ máy và số lượng cán bộ chuyên trách, công chức, những người hoạt động không chuyên trách	2			
4.1.1	Thực hiện đúng quy định về số lượng cán bộ, công chức	1			
	<i>Thực hiện đúng (1 điểm)</i>	1			
	<i>Thực hiện chưa đúng (0 điểm)</i>	0			
4.1.2	Thực hiện đúng quy định về số lượng những người hoạt động không chuyên trách	1			
	<i>Thực hiện đúng (1 điểm)</i>	1			
	<i>Thực hiện chưa đúng (0 điểm)</i>	0			
4.2	Thực hiện kiêm nhiệm các chức danh cán bộ, công chức	1			
	<i>Có thực hiện thì được cộng thêm 1 điểm, tuy nhiên, đối với đơn vị đạt được điểm tối đa của Bộ chỉ số thì không cộng điểm</i>	1			
	<i>Chưa thực hiện kiêm nhiệm, nhưng đủ số lượng theo quy định (1 điểm)</i>	1			
4.3	Thực hiện kiêm nhiệm các chức danh cán bộ không chuyên trách	1			
	<i>Có thực hiện (1 điểm)</i>	1			
	<i>Chưa thực hiện kiêm nhiệm (0 điểm)</i>	0			
5	<b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b>	9			
5.1	<b>Đội ngũ công chức</b>	7			
5.1.1	Tỷ lệ công chức đạt chuẩn chính trị:	1			
	<i>Đạt 100% (1 điểm)</i>	1			
	<i>Trên 95% (0,5 điểm)</i>	0,5			
	<i>Dưới 95% (0 điểm)</i>	0			
5.1.2	Tỷ lệ công chức đạt chuẩn chuyên môn đạt 100% điểm đánh giá: (1 điểm)	1			
	<i>Dưới 100%: (0 điểm)</i>	0			
5.1.3	Bố trí, sử dụng công chức đúng quy định vị trí việc làm	2			
	<i>Đạt 100%: (2 điểm)</i>	2			
	<i>Từ 90% đến dưới 100%: (1 điểm)</i>	1			
	<i>Dưới 90%: (0 điểm)</i>	0			
5.1.4	Quản lý cán bộ, công chức trên phần mềm	2			
	<i>Đúng yêu cầu nhập dữ liệu (1 điểm)</i>	1			
	<i>Ứng dụng phần mềm phục vụ công tác cán bộ, công chức (1 điểm)</i>	1			
5.1.5	Rà soát việc sử dụng và bố trí CBCC theo vị trí việc làm	1			
	<i>Có thực hiện theo yêu cầu (1 điểm)</i>	1			

	Thực hiện nhưng chưa đạt yêu cầu (0 điểm)	0			
<b>5.2</b>	<b>Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức</b>	<b>2</b>			
5.2.1	Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	1			
	Xây dựng kế hoạch ĐTBĐ đúng thời gian (1 điểm)	1			
	Không xây dựng kế hoạch, hoặc có nhưng trễ hạn (0 điểm)	0			
5.2.2	Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	1			
	Đạt 80% đến 100% thì tính theo công thức: [Số lượng nhiệm vụ hoàn thành]x1/[Tổng số lượng nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch]	1			
	Dưới 80%: (0 điểm)	0			
<b>6</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>7</b>			
<b>6.1</b>	Thực hiện quy định về quản lý tài chính (0,5 điểm)	0,5			
	Không có sai phạm phát hiện trong năm đánh giá (0,5 điểm)	0,5			
	Có sai phạm phát hiện trong năm đánh giá (0 điểm)	0			
<b>6.2</b>	Thực hiện quy định về quản lý tài sản công (1 điểm)	0,5			
	Không có sai phạm phát hiện trong năm đánh giá (0,5 điểm)	0,5			
	Có sai phạm phát hiện trong năm đánh giá (0 điểm)	0			
<b>6.3</b>	Thực hiện thu ngân sách hàng năm theo kế hoạch của UBND huyện giao (5 điểm)	5			
	Vượt chỉ tiêu từ 5% trở lên: (5 điểm)	5			
	Vượt chỉ tiêu dưới 5%: (4 điểm)	4			
	Hoàn thành chỉ tiêu: (3 điểm)	3			
	Không hoàn thành: (0 điểm)	0			
<b>6.4</b>	Ban hành quy chế quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý	1			
	Đã ban hành: (1 điểm)	1			
	Chưa ban hành: (0 điểm)	0			
<b>7</b>	<b>XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ</b>	<b>25,5</b>			
<b>7.1</b>	Chuyển đổi số trong hoạt động quản lý hành chính	<b>11,5</b>			
7.1.1	Thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số	<b>2</b>			
	Kế hoạch đầy đủ các chỉ tiêu, nhiệm vụ của UBND huyện giao tại kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 02/8/2023 (1 điểm)	1			
	Hoàn thành từ 85% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức: [Số mục tiêu đã hoàn thành]x1/[Số mục tiêu đã đề ra]	1			
	Đạt dưới 85% kế hoạch	0			
7.1.2	Thực hiện văn bản điện tử	3			
	Đạt 98% trở lên số văn bản điện tử được kiểm tra đã ban hành theo đúng quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP thì điểm tính theo công thức: [Số văn bản đúng quy định]x 3/[Tổng số văn bản được kiểm tra]				
	Đạt dưới 98%: (0 điểm)	0			
7.1.3	Tỷ lệ công chức sử dụng phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc để xử lý, giải quyết công việc	0,5			



7.1.3	Đạt 100% công chức sử dụng: (0,5 điểm)	0,5			
	Dưới 100%: (0 điểm)	0			
7.1.4	Tỷ lệ lãnh đạo sử dụng chữ ký số để phê duyệt, điều hành, giải quyết công việc	3			
	Đạt 100% số văn bản được kiểm tra (3 điểm)	3			
	Từ 70% đến dưới 100% tính theo công thức: $[\text{văn bản có sử dụng}] \times 3 / [\text{tổng số văn bản kiểm tra}]$				
	Dưới 70% (0 điểm)	0			
7.1.5	Thực hiện việc gửi, nhận văn bản điện tử	2			
	Đơn vị xử lý văn bản đến đúng quy trình trên phần mềm I-Office (1 điểm)	1			
	Đơn vị xử lý văn bản đi đúng quy trình trên phần mềm I-Office (1 điểm)	1			
7.1.6	Bố trí máy tính cho người dân tra cứu	1			
	Có lắp đặt (1 điểm)	1			
	Không có (0 điểm)	0			
7.1.7	Kết quả theo dõi qua hệ thống camera				
	Đơn vị có trường hợp ghi nhận sai phạm qua kiểm tra hệ thống camera giám sát bộ phận một cửa bị trừ 01 điểm/01 trường hợp (điểm trừ không quá 10 điểm)	-10			
	Nếu không có văn bản nhắc nhở thì bỏ qua tiêu chí này				
7.2	<b>Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>	11			
7.2.1	Tỷ lệ thủ tục hành chính phát sinh hồ sơ trực tuyến toàn trình và một phần	2			
	Đạt từ 30% trở lên: (2 điểm)	2			
	Đạt từ 10% đến dưới 30% TTHC có phát sinh hồ sơ tính theo công thức: $[\text{Tỷ lệ TTHC phát sinh hồ sơ trực tuyến}] \times 2$				
	Đạt dưới 10% TTHC: (0 điểm)	0			
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	4			
	Đạt trên 20% so với tổng số thủ tục phát sinh hồ sơ trực tuyến: (1 điểm)	1			
	Xếp hạng nhất về tỷ lệ hồ sơ trực tuyến (3 điểm)	3			
	Xếp hạng nhì về tỷ lệ hồ sơ trực tuyến (2 điểm)	2			
	Từ hạng ba đến hạng năm về tỷ lệ hồ sơ trực tuyến (1 điểm)	1			
7.2.3	Tỷ lệ tăng hồ sơ trực tuyến so với năm trước	5			
	Tăng từ 30% trở lên so với năm 2022: (5 điểm)	5			
	Tăng từ 10% đến dưới 30% so với năm 2022 thì điểm tính theo công thức: $[\text{Tỷ lệ tăng hồ sơ trực tuyến}] \times 5/30\%$				
	Tăng dưới 10%: (1 điểm)	1			
7.3	Thanh toán không dùng tiền mặt	3			
	Đạt 5% trên tổng số hồ sơ có phát sinh phí lệ phí	3			
	Đạt dưới 5%	0			
8	<b>ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TÁC CCHC ĐẾN MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN</b>	13			
8.1	Hiệu quả của công tác tuyên truyền về CCHC	5			



8.2	Hài lòng của cá nhân, tổ chức về quy trình giải quyết TTHC	3			
8.3	Tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức trong tiếp nhận, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp	3			
8.4	Giải quyết phản ánh kiến nghị cho người dân và doanh nghiệp	2			
<b>Tổng điểm CCHC</b>		<b>100</b>			